TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm

Ông Nguyễn Đức Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 303/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2022 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thùy L, sinh năm 1984; địa chỉ: Số N, đường M, khu nhà ở đường sắt A, khu phố Thống Nhất B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Đình L, sinh năm 1978; địa chỉ: Số N, đường M, khu nhà ở đường sắt A, khu phố Thống Nhất B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022; bản tự khai ngày 16/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Trần Đình L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện F,

tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 046, quyển số 01/HT-2004, ngày 12/4/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống sinh tại xã E, huyện F, tỉnh Bình Dương, đến năm 2017 vợ chồng chuyển về sống tại số nhà N, đường M, khu nhà ở đường sắt A, khu phố Thống Nhất B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau. Đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L sống không tôn trọng vợ, thường xuyên nhậu nhẹt rồi về nhà kiếm chuyện gây gỗ và đánh đập bà L, sự việc này diễn ra nhiều lần nên hàng xóm và chính quyền địa phương đều biết. Nhiều lần bà L cho ông L cơ hội để sửa đổi tính tình, hàn gắn tình cảm vợ chồng chung sống để cùng nhau chăm lo con các con còn nhỏ dại, nhưng ông L vẫn không thay đổi tính tình. Do đó, bà L có đơn khởi kiện ông L, bà L xác định không còn tình cảm với ông L và xin được giải quyết cho ly hôn ông L.

Về con chung: Quá trình sống chung, bà L và ông L có 02 con chung tên Trần Thị Thu L, sinh ngày 21/8/2004 và Trần Yến N, sinh ngày 05/4/2012. Khi ly hôn bà L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 chung. Bà L không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Đình L trình bày:

Ông L thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân và con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì ông L thừa nhận quá trình sống chung vợ chồng đôi khi có cãi vả nhau, nguyên nhân là do mâu thuẫn chuyện tiền bạc, nhưng ông L không có đánh đập bà L như lời trình bày của bà L. Ông L vẫn còn tình cảm với bà L, vợ chồng vẫn sống chung một nhà và vẫn quan tâm chăm sóc nhau khi đau ốm. Do đó, ông L đề nghị Tòa án cho thời gian để về hòa giải đoàn tụ với bà L. Trường hợp hòa giải đoàn tụ không được thì ông L đồng ý ly hôn.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông L vẫn vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Hôn nhân giữa bà L và ông L là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do đó, cần giải quyết ly hôn cho bà L và ông L. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung cháu Trần Thị Thu L, sinh ngày 21/8/2004 (hơn 17 tuổi) và Trần Yến N, sinh ngày 05/4/2012 (hơn 10 tuổi), các cháu đều là nữ và đang ở độ tuổi phát triển tâm sinh lý nữ. Hơn nữa, cháu L và cháu N đều có nguyện vọng sống cùng với bà L. Do đó, cần giao cháu L và cháu N cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị Thùy L khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với ông Trần Đình L. Ông L có địa chỉ tại số N, đường M, khu nhà ở đường sắt A, khu phố Thống Nhất B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông L tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 046, quyển số 01/HT-2004, cấp ngày 12/4/2004 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do ông L không tôn trọng vợ, thường xuyên nhậu nhẹt rồi về nhà kiếm chuyện gây gỗ và đánh đập bà L. Bà L nhiều lần cho ông L cơ hội để sửa đổi tính tình, hàn gắn tình cảm vợ chồng chung sống để cùng nhau chăm lo con các con, nhưng ông L vẫn không thay đổi tính tình. Bà L xác định không còn tình cảm với ông L và có đơn khởi kiện ly hôn ông L. Bị đơn ông L trình bày là thống nhất với bà L về quan hệ hôn nhân, con chung. Quá trình sống chung, vợ chồng đôi khi có cải vã nhau, nguyên nhân là do mâu thuẫn chuyện tiền bạc. Ông L không có đánh đập bà L như lời trình bày của bà L. Ông L vẫn còn tình cảm với bà L, vợ chồng vẫn sống chung với nhau và vẫn quan tâm chăm sóc nhau khi đau ốm. Ông L đề nghị Tòa án cho thời gian để về hòa giải đoàn tụ với bà L. Trường hợp hòa giải đoàn tụ không được thì ông L đồng ý ly hôn. Xét, lời trình bày của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Bà L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là ông L không tôn trọng vợ, thường xuyên nhậu nhẹt rồi về nhà kiếm chuyện gây gỗ và đánh đập bà L. Còn ông L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do mâu thuẫn chuyện tiền bạc nên vợ chồng đôi khi có cải vã nhau. Qua xác minh tại địa phương thì ông Nguyễn Ngọc H – tổ trưởng tổ H, khu phố Thống Nhất B, phường C cung cấp thông tin như sau: *"Ông H là tổ trưởng tổ H, khu phố Thống Nhất B, nhiệm vụ của ông H là quản lý tình hình tổ dân phố của mình (trong đó có gia đình bà L, ông L)... Về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông L thì ông H có biết, vài năm trước thì hai vợ chồng có đánh nhau thường xuyên, nhưng khoảng 02 năm trở lại đây thì vợ chồng bà L, ông L ít đánh nhau hơn, cụ thể gần đây nhất cách đây khoảng hơn hai mươi ngày thì ông L có đánh bà L. Bà L có sang nhà của tôi và báo lại sự việc cho tôi biết…"*. Tại Biên bản lấy lời khai của các cháu Trần Thị Thu L (cháu L hơn 17 tuổi) và Trần Yến N (cháu N hơn 10 tuổi) thì cháu L và cháu N đều thống nhất trình bày là các cháu có chứng kiến sự việc cha mẹ của các cháu là ông L và bà L cải vã nhau, khi cải nhau thì ông L luôn chửi bới, nhục mạ bà L và thường xuyên đánh đập bà L. Khi

cháu L và cháu N can ngăn thì ông L đánh luôn các cháu. Ông L còn thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn. Như vậy, lời bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông L không tôn trọng vợ, thường xuyên nhậu nhẹt rồi về nhà kiếm chuyện gây gỗ và đánh đập bà L là có căn cứ. Tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"* và Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ, chồng như sau: *"Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau"*. Ông L vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần giải quyết ly hôn cho bà L và ông L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, bà L và ông L có 02 con chung tên Trần Thị Thu L, sinh ngày 21/8/2004 và Trần Yến N, sinh ngày 05/4/2012. Khi ly hôn bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét, yêu cầu của bà L thấy rằng: Cháu Trần Thị Thu L (cháu L hơn 17 tuổi) và Trần Yến N (cháu N hơn 10 tuổi), các cháu đều là nữ, do đó, việc phát triển tâm sinh lý của nữ giới thì các cháu dễ tâm sự với mẹ hơn so với cha. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, các cháu đều có nguyện vọng mong muốn được sống cùng mẹ là bà L. Vì vậy, để tạo điều kiện phát triển về mọi mặt và tránh làm xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu nên cần giao cháu Trần Thị Thu L và cháu Trần Yến N cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thùy L đối với ông Trần Đình L về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bùi Thị Thùy L được ly hôn ông Trần Đình L.

- Về con chung: Bùi Thị Thùy L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thị Thu L, sinh ngày 21/8/2004 và Trần Yến N, sinh ngày 05/4/2012. Ông Trần Đình L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Trần Đình L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Bùi Thị Thùy L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Trần Đình L. Vì quyền lợi hợp pháp của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị Thùy L về việc không yêu cầu ông Trần Đình L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Thùy L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003807, ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bùi Thị Thùy L và ông Trần Đình L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	(Đã ký)
Nguyễn Thị Ngọc Diễm	**Nguyễn Đức Lợi**

Đào Thị Thu Vân

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân